

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày 23 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Danh Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Hoàng Thị Nguyệt** và ông: **Lùng Minh Chương.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Vương Thị Minh Khuê** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông **Lù Minh Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐ-HSST ngày 13/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cáo Văn L (Tên gọi khác: Cáo Văn Nghiệp); Sinh năm: 1991; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Cáo Văn M; sinh năm: 1959; con bà: Nùng Thị C; sinh năm: 1964. Vợ: Lù Thị C2; sinh năm: 1992, bị cáo có 01 con sinh năm 2014: Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 14/11/2017 đến ngày 01/12/2017 được tại ngoại. Có mặt

2. Họ và tên: L Văn Đ; (Tên gọi khác: không) Sinh năm: 1993; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: L Sào V (đã chết); Con bà: L Già V1; sinh năm: 1948. Vợ: Tráng Thị S; sinh năm: 1996; bị cáo có 01 con sinh năm 2017: Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 14/11/2017 đến ngày 01/12/2017 được tại ngoại. Có mặt

3. Họ và tên: L Văn P; (Tên gọi khác: không) Sinh năm: 1982; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12. Con ông: L Sào V (đã chết) con bà: L Già V1; sinh năm: 1948. Vợ: Vàng Thị D; sinh năm: 1977; bị cáo có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2009: Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 14/11/2017 đến ngày 01/12/2017 được tại ngoại. Có mặt

Người bị hại: Công ty TNHH 1 thành viên H-A

Địa chỉ: Tổ 2 thị trấn X, huyện X, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H – Chức vụ; Giám đốc.

Người được ủy quyền: anh Nguyễn Văn N; SN: 1985

Nơi ĐKKHKT: thôn 2 Đ, Mê Linh, thành phố Hà Nội

Nơi tạm trú: xã N, huyện P, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị: Liu Thị C2; SN: 1992

Trú tại: thôn T, xã H, huyện P, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Chị: Vàng Thị D; SN: 1977:

Trú quán: thôn T, xã H, huyện P. Có mặt.

2. Chị: Tráng Thị S; SN: 1996:

Trú quán: thôn T, xã H, huyện P. Có mặt.

3. Anh: Nguyễn Văn Đ; SN: 1985:

Trú quán: thôn C, xã B, huyện S, Tuyên Quang. Vắng mặt.

4. Chị: Lương Thị Thúy H1; SN: 1986:

Trú quán: tổ 3, thị trấn Q, huyện P, Hà Giang. Vắng mặt.

5. Anh: Nguyễn Văn L1; SN: 1989:

Trú quán: thôn S, xã N, huyện P. Vắng mặt.

Người phiên dịch cho chị Vàng Thị D và Tráng Thị S: anh Hoàng Văn L2: Tổ 3, thị trấn Q, P. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên H-A có trụ sở chính tại tổ 2, thị trấn X, huyện X, tỉnh Hà Giang do ông Nguyễn Văn H làm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, ngày 10 tháng 11 năm 2016 Công ty kí kết hợp đồng thi công với UBND xã N, huyện P làm đường bê tông từ UBND xã N đến điểm trường thôn S, với hình thức UBND xã N sẽ thanh toán cho Công ty khi công trình hoàn thành. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Hải giao cho anh Nguyễn Văn N, là nhân viên công ty trực tiếp quản lý và thi công công trình. Ngày 18/9/2017 anh N đã thuê xe vận chuyển 07 tấn xi măng (loại xi măng Yên Bình, nhãn mác PCB40) của công ty xếp ở cạnh đường sát với công trường đang thi công.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 21 tháng 09 năm 2017, Cáo Văn L và Ly Văn Đ cùng trú tại thôn T, xã H, huyện P đi lên rừng lấy cây vầu để về làm sàn phơi thóc. Khi đi qua địa phận thôn S, xã N, L và Đ nhìn thấy có một đồng xi măng, được phủ bạt màu xanh xếp ở mép đường đang đổ bê tông, thấy vậy L nảy sinh ý định trộm xi măng rồi L nói với Đ “*đi lấy cây vầu về đến nhà, đi lên xem nếu không có người trông coi thì đi lấy mấy bao về sử dụng*”, thấy L rủ đi trộm cắp xi măng Đ trả lời: “*ừ tối lên xem*”. Sau khi bàn bạc xong cả hai người tiếp tục lên rừng lấy cây vầu. Khoảng 15 giờ cùng ngày, L, Đ lấy vầu về đến gần nhà Đ, thì L nói với Đ: “*tối đi thì ở nhà đợi nhé*”, Đ trả lời: “*Vâng*”. Sau đó, Đ và L vác cây về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Đ xuống nhà Ly Văn P, sinh năm 1982 là người ở cùng thôn ăn cơm cùng vợ, chồng P. Sau khi ăn cơm, uống rượu xong, vợ P là chị Vàng Thị D, sinh năm 1977 đi lấy cỏ cho trâu ăn, lúc này chỉ còn Đ và P ở nhà, Đ có nói với P là “*Lúc sáng Đ và L đi lên rừng lấy cây vầu, khi đến thôn S, xã N thấy có một đồng xi măng xếp ở mép đường, L bảo tối lên đó xem nếu không có người trông coi thì lấy mấy bao về sử dụng*” và đồng thời rủ P đi trộm cắp xi măng cùng, thấy Đ nói vậy P trả lời là “*đang say rượu để tối lên xem*”, nói xong Đ đi về nhà. Khoảng 20 giờ cùng ngày, P gọi điện thoại cho L hỏi “*Lúc sớm Đ bảo đi xem xi măng, có đi không?*” L trả lời là “*ăn cơm xong đi bây giờ*” và nói L lên nhà Đ đợi trước. Sau đó L lên nhà Đ ngồi uống nước được một lúc thì thấy P đến, rồi cả ba người cùng đi bộ lên đến chỗ để xi măng ở thôn S, xã N. Đến nơi, cả ba người quan sát thấy không người trông coi, P tiến đến lật bạt che đồng xi măng lên và vác lên vai một bao, tiếp đó là Đ và L vào vác mỗi người một bao xi măng đi bộ theo hướng về phía nhà P và Đ. Trên đường vác xi măng về nhà, do L chưa cần sử dụng ngay, nên L đã nói với P và Đ là cần sử dụng ngay thì L sẽ cùng vác trộm về để cho sử dụng trước, khi nào cần thì P và Đ mua trả cho L sau, nghe thấy vậy P và Đ đồng ý. Sau đó cả ba lấy trộm được 30 bao xi măng của Công ty H-A mang về nhà. Trong đó, L lấy trộm 05 bao về để nhà P, 05 bao về để nhà Đ. Còn P và Đ mỗi người vác trộm được 10 bao mang về nhà mình cất giấu. Đến khoảng 04 giờ ngày 22/09/2017, do sợ bị phát hiện nên cả ba về nhà ngủ.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 23/10/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận 30 bao xi măng Yên Bình, nhãn mác PCB40 có giá trị là: 2.475.000^d (*Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tại phiên toà bị hại trình bày tài sản các bị cáo trộm cắp đã bồi thường xong cho công ty, hậu quả xảy ra không lớn, các bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho 3 bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 06/02/2018 của VKSND huyện P đã truy tố các bị cáo: Cáo Văn L, Ly Văn Đ, Ly Văn P về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138, Bộ luật Hình Sự năm 1999. Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Đối với bị cáo Ly Văn Đ: áp dụng khoản 1 Điều 138 và các tình tiết giảm nhẹ: đã bồi thường xong cho bị hại, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn qui

định tại điểm b,,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 20, 53, Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Đối với bị cáo Cáo Văn L: áp dụng khoản 1 điều 138 và các tình tiết giảm nhẹ: thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, qui định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 20, 53 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo L từ 08 đến 12 tháng tù.

Đối với bị cáo Ly Văn P áp dụng khoản 1 điều 138, các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 20, 53 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù.

Thời hạn chấp hành án của các bị cáo tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam.

Tại phiên toà các bị cáo có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, là hộ nghèo, con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, tài sản trộm cắp của L và P đã được thu hồi ngay sau khi phạm tội, bị cáo Đ đã bồi thường xong, trị giá tài sản trộm cắp của 3 bị cáo không lớn (hơn hai triệu đồng). Trong phần đối đáp đại diện VKS vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và quan điểm như đã đề nghị, khi được nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện P, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều đảm bảo tính hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác, lợi dụng sở hở trong quản lý tài sản các bị cáo đã lén lút lấy được 30 bao xi măng nhãn hiệu Yên Bình, mác PCB40, trị giá 2.475,000,đ, do đó các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. HĐXX thấy rằng việc truy tố để xét xử các bị cáo theo khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của pháp nhân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, đến trật tự an toàn xã hội, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, hiểu biết pháp luật hạn chế.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải sau khi xảy ra đối với bị cáo L và P tài sản đã được thu hồi, trả cho bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ gây hậu quả không lớn qui định tại điểm g Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo Đ đã sử dụng 11 bao xi măng khi bị phát hiện đã khắc phục bồi thường xong cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra 3 bị cáo đều là người dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn, đều là hộ nghèo, bị cáo Đ và L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

Đối với bị cáo P có nhân thân xấu, đã vi phạm pháp luật một lần, mặc dù từ khi được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã được 2 năm nhưng cũng cần quyết định mức án cao hơn các bị cáo khác mới đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật.

Về quan điểm của VKS tại phiên tòa về tội danh và hình phạt là có cơ sở xem xét, tuy nhiên đối với bị cáo L và P cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm g Điều 46 Bộ luật Hình sự nhằm đảm bảo sự công bằng của pháp luật và phù hợp với tính chất mức độ về hành vi của từng bị cáo.

Hiện tại thấy rằng các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy không cần thiết phải cách L các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo nghề nghiệp đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và các bị cáo đã bồi thường xong, tại phiên tòa không yêu cầu bổ sung nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã trả lại 01 điện thoại cho người liên quan là chủ sở hữu tài sản là phù hợp nên không xem xét. Hiện còn 01 sim điện thoại Viettel của bị cáo Cáo Văn L sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1 Tuyên bố các bị cáo: Cáo Văn L, Ly Văn Đ, Ly Văn P phạm tội trộm cắp tài sản

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ly Văn P **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ly Văn Đ **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm ,g,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cáo Văn L **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã H, huyện P, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời gian tạm giam của các bị cáo không được khấu trừ vào thời gian thử thách, trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu huỷ 01 sim điện thoại Viettel đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện P và Chi cục THA Dân sự huyện P ngày 06/02/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1,2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Ly Văn P, Cáo Văn L, Ly Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Công an HSP;
- Chi cục THADS HSP;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- UBND xã H;- Lưu HS+THAPT+BP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân

